

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH QUÁN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 30-6-2025  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Đại;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Quang Thuần;

Bà Vương Thị Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định Quán.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Nguyễn Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2025/TLST- HNGĐ ngày 18/4/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 107/2025/QĐST- HNGĐ ngày 13/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ú**, sinh năm 1983.

Số CCCD: 075183019427.

Địa chỉ: Tổ I, ấp E, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Tăng Đ**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ I, ấp E, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ú trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị Ú và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ cấp Giấy nhận kết hôn số 217 ngày 18 tháng 9 năm 2012. Trong cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do có bất đồng về quan điểm sống, cách sống. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và to tiếng xúc phạm nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nên không còn quan tâm, chăm sóc nhau tới nhau, chỉ tiêu trong gia đình tách bạch. Mâu thuẫn của chị Ú và anh Đ đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Nay cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị Ú cương quyết xin ly hôn với anh Đ; Về con chung: Có 02 con chung là Tăng T, sinh ngày 25/12/2006, Tăng Hồng N, sinh ngày 06/12/2008. Kể từ khi chị Ú và anh Đ sống ly thân, các con chung sống cùng chị Ú. Nay chị Ú yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị Ú không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, chị Ú không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Chị Ú cam kết vợ chồng không có nợ chung.

2. Về phía bị đơn anh Tăng Đ trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Định Quán đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn không cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do, không có văn bản ý kiến phản hồi mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa.

Sau khi nghe chủ tọa công bố lời khai của đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Ú, xử cho chị Nguyễn Thị Ú được ly hôn với anh Tăng Đ; giao 02 con chung tên Tăng T, sinh ngày 25/12/2006, Tăng Hồng N, sinh ngày 06/12/2008 cho Chị Ú trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về việc cấp dưỡng cho con các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung đương sự khai không có nên không đặt ra để giải quyết. Chị Ú phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm

theo quy định của pháp luật. Chị Ú và anh Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ú; Bị đơn là anh Tăng Đ.

- Chị Nguyễn Thị Ú có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Tăng Đ. Bị đơn anh Tăng Đ cư trú tại: Tổ I, ấp E, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; Quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ú có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ú và anh Đ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định “Một bên đương sự thừa nhận và không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản của cơ quan chuyên môn đưa ra đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì anh Tăng Đ đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[2]. Về nội dung:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ú và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ cấp Giấy nhận kết hôn số 217 ngày 18 tháng 9 năm 2012 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Trong cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do có bất đồng về quan điểm sống và cách sống. Nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và to tiếng xúc phạm nhau. Giữa chị Ú và anh Đ không có tiếng nói chung, không còn sự quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống, mạnh ai lấy sống. Vợ chồng đã sống ly thân nên không còn quan tâm, chăm sóc nhau tới nhau, chỉ tiêu trong gia đình tách bạch. Mâu thuẫn của Chị Ú và anh Đ đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Ú cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị Ú và anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Ú, xử cho Chị Ú được ly hôn anh Đ.

*Về con chung:* Chị Ú và anh Đ có 02 con chung tên là: Tăng Trung, sinh ngày 25/12/2006, Tăng Hồng N, sinh ngày 06/12/2008. Kể từ khi Chị Ú và anh Đ sống ly thân, con chung sống cùng chị Ú. Nay, chị Ú yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Chị Ú không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, anh Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung của chị Ú. Trong quá trình giải quyết vụ án các con chung có nguyện vọng được ở cùng chị Ú. Việc chị Ú nhận trực tiếp nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con chung. Để ổn định tâm lý, sinh hoạt và quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ú, xử giao trẻ tên: Tăng T, sinh ngày 25/12/2006, Tăng Hồng N, sinh ngày 06/12/2008 cho chị Ú trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng cho con, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này là phù hợp.

*Về tài sản chung:* Chị Ú không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đ1 có ý kiến nên không đặt ra giải quyết.

*Về nợ chung:* Chị Ú khai không có, anh Đ không có ý kiến nên không đặt ra giải quyết.

*Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Ú phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, Điều

39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 220, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ú:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ú được ly hôn với anh Tăng Đ.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên: Tăng Trung, sinh ngày 25/12/2006, Tăng Hồng N, sinh ngày 06/12/2008 cho chị Nguyễn Thị Ú trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ú không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, cũng như không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không giải quyết do đương sự khai không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ú phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Ú đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo biên thu số 0011670 ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại Chi Cục hành án dân sự huyện Đ. Như vậy, Chị Ú đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thián dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thián dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- CCTHADS H. Định Quán;
- VKSND H. Định Quán;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND xã (phường, thị trấn) nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu HS vụ án; VP.

**Lê Văn Đại**

|  |
|--|
|  |
|--|